TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 202 /2017/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 25 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1 - Bà Lý Thị Nhân

2 - Bà Trần Thị Thanh Khiêm

*- Thư ký toà án ghi biên bản phiên to*à: Bà Hoàng Kim Thoa - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 25/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2017, về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 12/6/2017, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc S; sinh năm 1955.

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 113, đường T, tổ 6 phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim T; sinh năm 1960.

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 113, đường T, tổ 6 phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Ngọc S trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Kim T được tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng đến ngày 18/6/2005 ông bà mới đăng ký kết hôn tại phường Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hai vợ chồng sinh sống tại tổ 6 phường P, thành phố T nhưng bà T lúc đó lại công tác trung tâm y tế huyện B, tỉnh Hà Giang nên phần lớn thời gian vợ chồng sống xa nhau, thỉnh thoảng bà T mới về thăm

nhà. Cuộc sống ở nhà chủ yếu ông sống với hai con (01 con riêng của bà T và 01 con chung của ông bà, hiện nay con riêng của bà T đã đi lấy chồng). Trong thời gian làm việc do điều kiện công tác xa nhà nên bà T ít khi về thăm chồng con, một mình ông phải lo việc nuôi các con ăn học. Những năm sau này gần về hưu thì bà T có hay về nhà hơn nhưng khi về nhà bà lại thường xuyên gây mâu thuẫn với ông. Nguyên nhân do bà T nghi ngờ ông ngoại tình với người phụ nữ khác nên ghen tuông vô cớ gây căng thẳng cho cả hai vợ chồng. Đến tháng 01/2016 bà T nghỉ hưu theo chế độ đã chuyển về ở cùng ông tại thành phố T, lúc này khi ở chung với nhau thì mâu thuẫn vợ chồng mới thực sự trầm trọng và ngày càng căng thẳng. Bà T vẫn tiếp tục nghi ngờ, ghen tuông với ông nên cuộc sống chung vợ chồng không thể hòa hợp và hạnh phúc. Hai vợ chồng hiện nay đã sống ly thân. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có lòng tin, trách nhiệm với nhau nữa mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Hoàng A, sinh ngày 10/7/1995. Hiện nay cháu Hoàng A đã trưởng thành, ông không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Ông xác định vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Kim T trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Ngọc S được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau không bị ai ép buộc. Ông bà chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng đến ngày 18/6/2005 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó cùng chung sống với nhau tại tổ 6 phường P, thành phố T. Từ sau khi kết hôn bà công tác tại Trung tâm y tế huyện B, tỉnh Hà Giang nên thường xuyên xa nhà, ông S ở nhà chăm sóc hai con (ông bà có 01 con chung và bà có 01 con riêng, hiện nay con riêng của bà đã đi lấy chồng). Vì bà sống xa nhà nên vợ chồng không thường xuyên chăm sóc, lo lắng được cho nhau. Ông S là người sống nội tâm vì thế ông bà có những suy nghĩ trái chiều không thống nhất được với nhau dẫn đến mâu thuẫn. Bà Thanh cho rằng hiện nay ông S đang có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng ông S không chấm dứt mà vẫn còn tiếp tục quan hệ với người phụ nữ đó dẫn đến không còn thương yêu, chăm sóc bà nữa. Cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay ông S đề nghị giải quyết ly hôn bà nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Hoàng A, sinh ngày 10/7/1995. Hiện nay cháu Hoàng A đã trưởng thành, bà không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung:. Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị Kim T đăng ký kết hôn tháng 6/2005 tại Uỷ ban nhân dân phường Phan T là hôn nhân hợp pháp, tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng không hòa hợp và không tìm được tiếng nói chung. Nay ông S đề nghị giải quyết xin ly hôn bà T nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông S được ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa bà T và ông S là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

Về con chung: Ông bà xác nhận có một con chung là cháu Hoàng Hoàng A, sinh ngày 10/7/1995. Hiện nay cháu Hoàng A đã trưởng thành, ông bà không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị Kim T tự nguyện thỏa thuận, ông S tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Pháp luật. Bà T không phải chịu án phí.

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, 213, khoản 1 Điều 235; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị Kim T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị Kim T có một con chung là cháu Hoàng Hoàng A, sinh ngày 10/7/1995. Hiện nay cháu Hoàng A đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị Kim T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Hoàng Ngọc S tự nguyện nhận chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003128 ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang. Ông S đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Bà Trần Thị Kim T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Phan Thiết (để biết);
- Lưu hồ sơ VA + TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh